TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THỦY** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HS-ST
Ngày 25-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Hồng Canh**
Ông **Nguyễn Thành Lâm**

- ***Thư ký phiên toà***: Bà **Nguyễn Thị Đào** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà **Hà Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐHPT-HS ngày 13 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐHPT-HS ngày 25 tháng 11 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 12/2024/QĐHPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh ngày 21/11/1967 tại huyện T, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 4, xã B, huyện T, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ (đã chết); con bà: Nguyễn Thị Đ (đã chết); có vợ: Lương Thị H, sinh năm 1970 và 03 con: Lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, đang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện tại ngoại ở xã B, huyện T, tỉnh P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hồng T, sinh ngày 15/11/1999 tại huyện T, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 1, xã B, huyện T, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Chí T, sinh năm 1974; con bà: Lương Thị T, sinh năm 1977; có vợ: Trần Thị Thanh N, sinh năm 1998 và 02 con: Lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, đang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện tại ngoại ở xã B, huyện T, tỉnh P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Chí T, sinh ngày 04/10/1974 tại huyện T, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 1, xã B, huyện T, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1945; con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1945; có vợ: Lương Thị T, sinh năm 1977 và 02 con: Lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, đang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện tại ngoại ở xã B, huyện T, tỉnh P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1973 (Có mặt)

Nơi cư trú: Khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P.

2. Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P.

Người làm chứng: Bà Hà Thị L, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P.(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2006, gia đình bà Đặng Thị T, sinh năm 1973, trú tại khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P mua 02 thửa đất liền kề với tổng diện tích là 211m^2, cụ thể: Thửa đất số 710, tờ bản đồ số 13, diện tích 111m^2 (thửa đất số 186, tờ bản dồ số 02 – theo bản đồ 299) và thửa đất số 85, tờ bản đồ số 13 (thửa đất số 187, tờ bản đồ số 2 – theo bản đồ 299), diện tích 100m^2 tại khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P. Hai thửa đất có chiều ngang theo mặt đường là 11,5m, cách đường tỉnh lộ 317 là 29,8m. Ở phía trước thửa đất có quy hoạch đường gom dân sinh 5m, tiếp đến là 18,8m hành lang giao thông và 6m hành lang đê, rồi đến đường tỉnh lộ 317. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Đặng Thị T và chồng là Bùi Quang Đ. Năm 2007, bà T xây dựng 01 ngôi nhà 02 tầng trên diện tích 02 thửa đất. Năm 2010, bà T xây dựng quán bán hàng tạp hóa bằng tường xây, mái lợp tôn tiếp giáp với đường tỉnh lộ 317, bề mặt quán là 15m, sâu 11,2m, diện tích 168m^2 trên hành lang giao thông và đê, lối đi vào nhà bà T đi qua quán.

Ngày 01/7/2020, vợ chồng bà T chuyển nhượng cho vợ chồng bà Hà Thị L, sinh năm 1975 và ông Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 1972, trú tại khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P 02 thửa đất trên cùng tài sản trên đất. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng 02 hợp đồng, thể hiện nội dung sau: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 186, tờ bản đồ số 02, địa chỉ khu Tam T (khu 8), xã Đ, nay là khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P, diện tích 111, tài sản gắn liền với đất không có; Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 187, tờ bản đồ số 02, địa chỉ khu Tam T (khu 8), xã Đ, nay là khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P, tài sản gắn liền với đất gồm: Nhà thứ nhất: Nhà 2 tầng, diện tích 90m^2 x 2 = 180m^2, nhà thứ hai: Quán bán hàng, tường xây, mái lợp tôn, diện tích 50m^2. Cả

hai hợp đồng đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Đ, quyền sử dụng đất được chuyển sang tên Hà Thị L và Nguyễn Mạnh Q.

Đến tháng 7/2022, Nguyễn Chí T, sinh năm 1974, trú tại khu 1, xã B, huyện T, tỉnh P và Nguyễn Văn H, sinh năm 1967, trú tại khu 4, xã B, huyện T, tỉnh P, là thông gia với nhau, cùng nhau góp tiền để mua chung 02 thửa đất trên của ông Nguyễn Mạnh Q và bà Hà Thị L cho các con, T là người đứng ra trao đổi thỏa thuận giá cả mua bán với bà L là 3.400.000.000 đồng, đặt cọc trước số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 19/12/2022, vợ chồng ông Nguyễn Mạnh Q và bà Hà Thị L đã lập 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 02 thửa đất trên cho Nguyễn Văn H và vợ là Lương Thị H, cụ thể: Hợp đồng số 1104 có nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 710, tờ bản đồ số 13, địa chỉ khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P, diện tích 111m^2; Hợp đồng số 1103 có nội dung chuyển sử dụng đất thửa đất số 85, tờ bản đồ số 13, địa chỉ khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P, diện tích 100m^2. Tại phần nội dung 02 hợp đồng không có nội dung thỏa thuận về tài sản gắn liền với đất khi chuyển nhượng, nhưng khi chuyển nhượng bà Hà Thị L có thỏa thuận bằng miệng với T, H là "mua của bà T như thế nào thì bán cho ông H như vậy", cụ thể là bán 02 thửa đất, nhà và 50m2 lối đi qua quán để vào phía trong nhà như khi bà L mua của bà T. Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Thủy đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng Nguyễn Văn H và Lương Thị H. Thời điểm này, bà T không có chỗ ở và chưa bán hết số hàng hóa tồn ở quán và biết nhà đất đã chuyển nhượng cho T, H nên đã hỏi T mượn nhà và lối đi quán, T đồng ý. Ngày 08/8/2022, bà T viết giấy "mượn nhà và lối đi quán" có nội dung "Tôi có mượn nhà của ông T để ở tạm một thời gian vì tôi chưa có chỗ ở. Khi nào ông T có nhu cầu sử dụng thì tôi có trách nhiệm trả lại nhà cho ông T". Đến cuối tháng 9/2022, T đòi lại nhà và lối đi, bà T đã trả lại nhà ở và lối đi 50m^2 của quán bán hàng cho T và dọn hàng hóa, đồ dùng cá nhân về phần diện tích quán còn lại là 118m^2. Tuy nhiên T vẫn giữ tờ giấy "mượn nhà và lối đi quán" do bà T viết. Do phải đi làm ăn xa, nên ngày 28/12/2022, bà T đã làm giấy ủy quyền cho chị gái chồng là Bùi Thị B, sinh năm 1967, trú tại khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P được toàn quyền trông coi quản lý, sử dụng quán bán hàng của bà T, bà B cùng con trai là Nguyễn Quốc K, sinh năm 1992, trú tại khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P tiếp quản, trông coi và sửa chữa 01 gian quán để kinh doanh bán hàng bỉm sữa.

Đến khoảng tháng 4/2023, do có nhu cầu sửa lại căn nhà đã mua của bà L nên Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí T đã đến gặp và yêu cầu bà T chuyển đi để trả lại phần đất hành lang phía trước 02 thửa đất mà H và T đã mua nhưng bà T không đồng ý, H đã 02 lần gửi đơn đến UBND xã Đ đề nghị giải quyết giải tỏa hành lang vào ngày 10/4/2023 và 01/6/2023, nhưng bà T không đến làm việc nên UBND xã Đ không giải quyết được. UBND xã Đ đã hướng dẫn H làm đơn đến Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy để giải quyết theo quy định nhưng H chưa nộp đơn đến Tòa án.

Sau nhiều lần đề nghị UBND xã Đ giải quyết nhưng không có kết quả, H nảy sinh ý định tháo dỡ quán bán hàng của bà T. Ngày 26/01/2024, H gọi điện trao đổi với Nguyễn Chí T về việc tháo dỡ quán thì T đồng ý và thống nhất đến sáng ngày 27/01/2024 sẽ đến tháo dỡ quán bán hàng của bà T, sau đó T bàn

bạc và thống nhất với vợ là Lương Thị T, sinh năm 1977 và con trai là Nguyễn Hồng T, sinh năm 1999, cùng trú tại khu 1, xã B, huyện T, tỉnh P sẽ lên tháo dỡ quán của bà T thì chị T và T đồng ý, T gọi điện thuê anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1986, trú tại khu 2, xã B, huyện T, tỉnh P đến tháo dỡ quán của bà T vào sáng ngày 27/01/2024, anh H đồng ý. Đến sáng ngày 27/01/2024, T gọi điện bảo mẹ là Lương Thị T nhờ người mang xe lôi và bình ô xy dùng để cắt sắt đến quán của bà T, chị T nhờ anh Dương Văn Q, sinh năm 1974, trú tại thôn L, xã M, huyện B, thành phố H (là người làm thuê cho chị T) kéo xe lôi và bình ô xy từ xưởng gỗ của gia đình ở xã Minh Q, huyện B, thành phố H đến quán của bà T, anh Q kéo xe lôi và bình ô xy đến quán của bà T rồi đi về. Khoảng 7 giờ 30 phút, ngày 27/01/2024, Nguyễn Văn H cùng vợ chồng Nguyễn Chí T, Lương Thị T, Nguyễn Hồng T, Trần Thị Thanh N, sinh năm 1998, trú tại khu 1, xã B, huyện T, tỉnh P (là vợ T) đến quán của bà T để tháo dỡ quán. Một lúc sau, anh Nguyễn Mạnh H cùng 02 người thợ được anh H thuê đi làm cùng là anh Đào Thế L, sinh năm 1987, trú tại khu 8, xã Tiêu S, huyện Đ, tỉnh P và anh Phạm Ngọc H, sinh năm 1987, trú tại khu 2, xã V, huyện Đ, tỉnh P đến quán. H và T bảo anh H, anh L và anh H trèo lên mái tôn để tháo dỡ quán. Anh H và thợ trèo lên mái tháo 01 biển quảng cáo "Shop Sữa Bỉm" và 05 tấm tôn màu đỏ ở phần mái phía trước gian bán hàng bỉm sửa (vị trí bà B và anh K sửa chữa lại) thì bà T ở bên trong quán phát hiện chạy ra ngăn cản. Bà T dùng gạch ném vào những người đang tháo dỡ trên mái nhưng không trúng. Lúc này, vợ H là Lương Thị H, sinh năm 1970, trú tại khu 4, xã B, huyện T, tỉnh P đi làm đồng về đến quán, em trai Lương Thị T là Lương Văn T, sinh năm 1987, em trai Nguyễn Chí T là Nguyễn Văn T, sinh năm 1977, cùng trú tại khu 1, xã B, huyện T đi qua nhìn thấy nên dừng lại ở quán xem. Khi bị bà T ngăn cản việc tháo dỡ, H bảo T lên xưởng gỗ dăm tại khu 12, xã Đ, huyện T của ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1960, trú tại phường N, quận C, thành phố H làm chủ để mượn máy xúc lật về phá dỡ quán. T đồng ý lên xưởng gỗ của ông T nhưng không gặp ai ở đó nên tự ý lấy và điều khiển máy xúc lật nhãn hiệu LiuGong màu vàng đến quán của bà T. Khi T điều khiển máy xúc lật về đến quán, H đang đứng ở lề đường đối diện quán, chỉ tay hướng về quán và chỉ đạo T nâng máy lên để dỡ mái tôn, Nguyễn Chí T đi ra phía trước máy xúc, dùng tay trái chỉ hướng về quán của bà T để chỉ đạo T dùng máy xúc lật phá dỡ quán. T lái máy xúc, nâng gầu lên trên đâm vào cột chống hiên quan và phần mái tôn phía trước làm hư hỏng một số tài sản. Thấy vậy, một số người dân cùng gia đình bà T ngăn cản, lúc này lực lượng Công an xã Đ đến hiện trường yêu cầu T dừng lại hành vi nên T điều khiển máy xúc lật lùi lại và đi về trả tại xưởng gỗ của ông T.

Quá trình điều tra xác định, tài sản bị phá dỡ, không còn giá trị sử dụng gồm: 01 cửa nhôm kính, kích thước 4,4 m x 2,75m, kính 6,38 ly, khung kim loại bị sập, gồm 63 tấm trần nhựa vuông kích thước 60cm, 01 hệ thống ray chạy cửa xếp, kích thước 2,7 m x 0,6m, 03 tấm tôn mái che sơn màu đỏ, kích thước 6 x 1,1m, 05 ống kẽm kích thước 4 x 4 x10,4m, 03 tấm tôn kích thước 1,1m x 0,6m, 01 ống sắt tròn, đường kính 9 cm, dài 2,4 m, 01 cửa cuốn màu xanh, kích thước 2m x 3m, 02 kèo mái tôn, dạng sắt chữ V, dài 3,5m, 01 cửa cuốn màu xanh, kích thước 4,3 m x 3m. Bà T xác định, trong số tài sản hư

hỏng có 01 cửa cuốn màu xanh, kích thước 4,3 m x 3m là tài sản thuộc phần diện tích 50m^2 lối đi quán bà T đã bán nên không còn là tài sản của bà T.

Ngày 18/3/2024, Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá đối với tài sản của Đặng Thị T và anh Nguyễn Quốc K bị thiệt hại, không còn giá trị sử dụng. Tại bản kết luận định giá số 10 ngày 20/3/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Thủy xác định:" 01 cửa nhôm kính, kích thước 4,4 m x 2,75m, kính 6,38 ly, trị giá 12.100.000 đồng; Trần nhựa, khung kim loại bị sập, gồm 63 tấm trần nhựa vuông kích thước 60cm, trị giá 4.320.000 đồng; 01 hệ thống ray chạy cửa xếp, kích thước 2,7 m x 0,6m, trị giá 400.000 đồng; 03 tấm tôn mái che sơn màu đỏ, kích thước 6 x 1,1m, trị giá 3.960.000 đồng; 05 ống kẽm kích thước 4 x 4 x10,4m, trị giá 2.400.000 đồng; 03 tấm tôn kích thước 1,1m x 0,6m, trị giá 396.000 đồng; 01 ống sắt tròn, đường kính 9 cm, dài 2,4 m, trị giá 300.000 đồng; 01 cửa cuốn màu xanh, kích thước 2m x 3m, trị giá 2.400.000 đồng; Khung sắt hoa bị cong gẫy dài 2,63m, trị giá 200.000 đồng; 02 kèo mái tôn, dạng sắt chữ V, dài 3,5m, trị giá 500.000 đồng; 01 cửa cuốn màu xanh, kích thước 4,3 m x 3m, trị giá 5.160.000 đồng. Tổng giá trị tài sản cần định giá là 32.136.000đồng".

Như vậy, trừ đi giá trị 01 cửa cuốn màu xanh, kích thước 4,3 m x 3m theo định giá là 5.160.000 đồng, thì giá trị tài sản của bà T và anh K bị hư hỏng là 26.976.000 đồng.

Ngày 15/4/2024, Cơ quan điều tra xác định thêm một số tài sản khác của bà Đặng Thị T và anh Nguyễn Quốc K bị thiệt hại là hệ thống dây điện, đồ diện bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng gồm: Dây điện loại Cadivi 2 x 6mm, chiều dài 50m, dây điện loại Trần Phú 2 x4 mm, chiều dài 50m, dây điện thường loại 0,7mm, chiều dài 100m, 06 bảng điệnVinakip màu trắng; 02 camera nhãn hiệu Dahua màu trắng, loại có dây, 05 tấm tôn xốp màu đỏ, kích thước 1,1m x 7m, bị hư hỏng phần đầu tấm tôn.

Ngày 09/5/2024, Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá đối với tài sản bị thiệt hại. Tại bản kết luận định giá số 19 ngày 10/5/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thanh Thủy xác định:"Dây điện loại Cadivi 2 x 6mm, dài 50m, trị giá 1.350.000 đồng; dây điện loại Trần Phú 2 x4 mm, 50m, trị giá 900.000 đồng, dây điện thường, loại 0,7mm, 100m, trị giá 300.000 đồng, 06 bảng điện Vinakip, màu trắng, trị giá 180.000 đồng; 02 camera nhãn hiệu Dahua, màu trắng, trị giá 1.800.000 đồng; sửa chữa 05 tấm tôn xốp bị hư hỏng, trị giá 500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản cần định giá là 5.030.000 đồng".

Như vậy, xác định tổng giá trị tài sản của bà Đặng Thị T và anh Đặng Quốc K bị thiệt hại là 32.006.000 đồng, quá trình điều tra xác định, giá trị tài sản của bà Đặng Thị Thủy là 15.186.000 đồng, của anh Nguyễn Quốc K là 16.820.000 đồng.

Ngày 21/6/2024, Cơ quan điều tra yêu cầu định giá tiền công, chi phí khắc phục sửa chữa 05 tấm tôn bị tháo dỡ, không bị hư hỏng và 01 biển quảng cáo "Shop sửa bỉm" bị tháo dỡ lúc đầu không bị hư hỏng. Tại bản kết luận định giá số 30 ngày 21/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Thủy xác định: "05 tấm tôn, một mặt sơn màu đỏ, kích thước 6 x 1,1m, 01 biển quảng cáo tên "Shop Sữa Bỉm", kích thước 5 x 1,5m, bị tháo

dỡ, không hư hỏng, sửa chữa, khắc phục lại hiện trạng ban đầu, cần định giá là 800.000 đồng".

Ngày 09/5/2024, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết trên tờ giấy "Giấy mượn nhà lối đi quán". Tại bản kết luận giám định số 682/KL-KTHS ngày 16/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:"Chữ viết trên "Giấy mượn nhà lối đi quán (mẫu cần giám định ký hiệu A) so với chữ viết của Đặng Thị T trên "Bản tự khai/ Bản tường trình (mẫu so sánh ký hiệu M) là do cùng một người viết ra".

Tạm giữ của anh Nguyễn Quốc K: 05 tấm tôn, một mặt sơn màu đỏ, kích thước 6 x 1,1m, 01 biển quảng cáo tên "Shop sữa bỉm", kích thước 5 x 1,5m, 18 tấm trần nhựa vuông, kích thước 60 cm x 60 cm, 02 cửa nhôm kính bị tháo rời, kích thước 1,2 x 2m, 01 giá để hàng, kích thước 2,43 x 0,75 x 1,5 m.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bà Thủy yêu cầu các bị cáo phải khắc phục, sửa chữa lại toàn bộ tài sản về hiện trạng ban đầu. Ngoài ra, bà T còn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số ngày công lao động phải nghỉ việc, tiền xe đi lại đến làm việc tại Cơ quan điều tra với tổng số tiền là 11.800.000 đồng, nhưng các bị cáo chưa bồi thường. Ngày 05/11/2024, bị cáo Nguyễn Văn H đã nộp số tiền 12.006.000 đồng, bị cáo Nguyễn Hồng T đã nộp số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Chí T đã nộp số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy. Đến ngày 29/11/2024, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường theo thỏa thuận cho các bị hại tổng số tiền 150.000.000 đồng, các bị hại đã nhận tiền, không có yêu cầu đề nghị gì khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Ngày 26/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn H, Nguyễn Hồng T và Nguyễn Chí T về tội "Hủy hoại tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Bản Cáo trạng số 61/CT-VKSTT ngày 23/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hồng T và Nguyễn Chí T về tội "Huỷ hoại tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hồng T và Nguyễn Chí T phạm tội "Huỷ hoại tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn H : 24 – 27 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Nguyễn Hồng T: 18 - 21 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Nguyễn Chí T: 15 - 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo, buộc các bị cáo phải lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận các bị cáo đã bồi thường cho các bị hại số tiền 150.000.000 đồng, các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về xử lý vật chứng: Trả lại anh Nguyễn Quốc K: 05 tấm tôn, một mặt sơn màu đỏ, kích thước 6 x 1,1m, 01 biển quảng cáo tên "Shop sữa bỉm", kích thước 5 x 1,5m, 18 tấm trần nhựa vuông, kích thước 60 cm x 60 cm, 02 cửa nhôm kính bị tháo rời, kích thước 1,2 x 2m, 01 giá để hàng, kích thước 2,43 x 0,75 x 1,5 m; Trả lại Nguyễn Chí T 01 tờ giấy đôi có dòng kẻ, mặt trước tờ đầu ghi chữ và số có nội dung tiêu đề "Giấy mượn nhà lối đi quán", đề ngày 08/8/2022.

Án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016 của Quốc hội về thu nộp lệ phí, án phí, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Chí T và Nguyễn Hồng T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo về tội "Hủy hoại tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra - Công an huyện Thanh Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, Kiểm sát viên, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Xét thấy bị hại và người làm chứng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung Cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và phù hợp với vật chứng thu giữ. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 27/01/2024, tại khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P, do mâu thuẫn không giải quyết được trong việc tranh chấp quán, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hồng T và Nguyễn Chí T đã có hành vi dùng máy xúc lật phá dỡ quán của bà Đặng Thị T, khiến một số tài của bà Đặng Thị T và anh Nguyễn Quốc K bị hư hỏng hoàn toàn, không có khả năng khôi phục sửa chữa, với tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 32.006.000 đồng, trong đó của bà Đặng Thị T là 15.186.000 đồng, của anh Nguyễn Quốc K là 16.820.000 đồng. Do đó hành vi của Nguyễn Văn H, Nguyễn

Hồng T và Nguyễn Chí T đã cấu thành tội "Huỷ hoại tài sản" theo quy định tại khoản 1, Điều 178 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 triệu đồng hoặc dưới 2.000.000 đ, nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

…;"

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải xét xử và có hình phạt đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Về vai trò của từng bị cáo: Bị cáo H là người khởi xướng, chỉ đạo bị cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T giúp sức tích cực cho bị cáo H trong việc chỉ đạo bị cáo T thực hiện hành vi hủy hoại tài sản.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hồng T và Nguyễn Chí T đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hồng T và Nguyễn Chí T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hồng T và Nguyễn Chí T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, bố đẻ bị cáo T, ông nội bị cáo T là ông Nguyễn Văn T được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cùng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Chí T và Nguyễn Hồng T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho các bị cáo cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự cũng đủ để các bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5]. Về khấu trừ một phần thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự quy định người bị kết án phải bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Xét thấy các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Chí T và Nguyễn Hồng T có thu nhập không ổn định vì vậy miễn khấu trừ một phần

thu nhập cho các bị cáo. Tuy nhiên cần buộc các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

[6]. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 178 của Bộ luật hình sự có thể áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng, thu nhập không ổn định vì vậy miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã bồi thường theo thỏa thuận cho bà Đặng Thị T và anh Nguyễn Quốc K số tiền 150.000.000 đồng, các bị hại không có yêu cầu đề nghị gì thêm, cần xác nhận.

Đối với số tiền 32.006.000 đồng các bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, do các bị cáo đã bồi thường theo thỏa thuận đầy đủ cho các bị hại, nên cần trả lại cho các bị cáo số tiền này.

[8]. Về các vấn đề khác:

Đối với anh Nguyễn Mạnh H, anh Đào Thế L và anh Phạm Ngọc H là những người được Nguyễn Chí T thuê đến tháo dỡ quán của bà T, nhưng những người này không biết mục đích của T, H, sau đó dừng lại khi bị bà T ngăn cản và không tham gia bàn bạc hay giúp sức cho T, H và T trong việc hủy hoại tài sản của bà T và anh K, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với bà Lương Thị T, là người thống nhất cùng Nguyễn Chí T đến tháo dỡ quán của bà T, bà T có tham gia hỗ trợ tháo dỡ 05 tấm tôn và biển quảng cáo, tuy nhiên khi bà T ngăn cản thì bà T và mọi người dừng lại việc tháo dỡ, sau đó bà T không tham gia bàn bạc hay tham gia với H, T và T trong việc lấy máy xúc ủi hủy hoại tài sản của bà T, không có căn cứ để xử lý chị T về hành vi hủy hoại tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với chị Trần Thị Thanh N, anh Dương Văn Q, bà Lương Thị H, ông Lương Văn T và Nguyễn Văn T là những người có mặt khi sự việc xảy ra, nhưng xác định những người này không tham gia bàn bạc hay thực hiện hành vi hủy hoại tài sản của bà T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Thế T, là chủ sở hữu của chiếc máy xúc lật T dùng làm công cụ để thực hiện hành vi phạm tội, ông T không biết việc T tự ý lấy máy xúc và không liên quan đến hành vi phạm tội của T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[8]. Về vật chứng:

Đối với 05 tấm tôn, một mặt sơn màu đỏ, kích thước 6 x 1,1m, 01 biển quảng cáo tên "Shop sữa bỉm", kích thước 5 x 1,5m, 18 tấm trần nhựa vuông, kích thước 60 cm x 60 cm, 02 cửa nhôm kính bị tháo rời, kích thước 1,2 x 2m, 01 giá để hàng, kích thước 2,43 x 0,75 x 1,5 m, là tài sản thu giữ của anh K vẫn có giá trị sử dụng nhất định, anh K có đơn đề nghị được xin lại các tài sản này nên trả lại cho anh K là phù hợp.

Đối với 01 tờ giấy đôi có dòng kẻ, mặt trước tờ đầu ghi chữ và số có nội dung tiêu đề "Giấy mượn nhà lối đi quán", đề ngày 08/8/2022 là giấy tờ cá nhân thu giữ của bị cáo T nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Chí T là phù hợp.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hồng T và Nguyễn Chí T phạm tội "Huỷ hoại tài sản".

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn H 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Nguyễn Hồng T 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Nguyễn Chí T 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự - Công an huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ nhận được Quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và bản sao Bản án. Giao các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hồng T và Nguyễn Chí T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh P trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo, buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hồng T và Nguyễn Chí T phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh P thực hiện việc buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Chí T và Nguyễn Hồng T lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận các bị cáo đã bồi thường cho các bị hại số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho anh Nguyễn Quốc K:

05 tấm tôn, một mặt màu sơn đỏ, đã cũ, kích thước mỗi tấm, dài x rộng là 6 x 1,1m (trong đó: Có 01 tấm tôn bị cắt vát hình tam giác);

01 biển quảng cáo tên "Shop Sữa Bỉm", khung sắt hộp 2 x 2 cm, mặt biển quảng cáo bị rách nhiều chỗ, đã cũ kích thước 5x 1,5m;

01 giá để hàng bằng sắt sơn màu trắng, đã cũ có kích thước 2,43 x 0,75 x 1,5m (gồm: 03 thanh V lỗ, 03 chân giá, 02 tấm ngăn ở giữa giá, 15 tấm mặt giá và 12 tấm rèm mặt giá màu đỏ);

18 tấm trần nhựa vuông kích thước mỗi tấm 60 cm x 60 cm, đã cũ, bị rách;

02 cửa nhôm kính, bị tháo rời kích thước 1,2 x 2m, đã cũ;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Chí T:

01 tờ giấy đôi có dòng kẻ, mặt trước tờ đầu ghi chữ và số có nội dung tiêu đề "Giấy mượn nhà lối đi quán", đề ngày 08/8/2022.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/10/2024).

Trả lại cho các bị cáo số tiền các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả trước khi xét xử tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ:

Nguyễn Văn H số tiền 12.006.000đ (Mười hai triệu không trăm linh sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0003321 ngày 05/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

Nguyễn Hồng T số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0003320 ngày 05/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

Nguyễn Chí T số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0003319 ngày 05/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Chí T và Nguyễn Hồng T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo Bản án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Thanh Thuỷ;
- Công an huyện Thanh Thuỷ;
- CQTHAHS huyện Thanh Thuỷ;
- Chi cục THA huyện Thanh Thuỷ;
- UBND xã B;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Thuỷ